

Số: 385 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền
bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn
huyện Sơn Dương và huyện Yên Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại các Văn bản: số 1307/HĐTĐGD-STC ngày 16/9/2019, số 1409/HĐTĐGD-STC ngày 04/10/2019; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Văn bản: số 307/TTr-TNMT ngày 19/9/2019, số 334/TTr-TNMT ngày 15/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn huyện Sơn Dương và huyện Yên Sơn, cụ thể như sau:

1. Tại huyện Sơn Dương

1.1- Các công trình cần định giá: Công trình xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử K-Electronic-II; Công trình xây dựng trung tâm hội

ng nghị huyện Sơn Dương và Khu dân cư tổ dân phố Tân An, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Tân An, thị trấn Sơn Dương (giai đoạn 01); Công trình xây dựng trung tâm hội nghị huyện Sơn Dương và Khu dân cư tổ dân phố Tân An, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương hạng mục: Xây dựng Trung tâm hội nghị huyện Sơn Dương (giai đoạn 1); Công trình rãnh thoát nước ngoài hàng rào Nhà máy may Tuyên Quang, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương; Công trình Đồn Công an Sơn Nam, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương; Công trình Trùng tu, nâng cấp, xây dựng bia và hàng rào bảo vệ các khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại các xã: Tú Thịnh, Minh Thanh, Phú Lương, huyện Sơn Dương; Công trình Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương.

1.2- Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường

a) Khu vực xã Sơn Nam

- Đối với đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 39.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 11.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

b) Khu vực thị trấn Sơn Dương

- Đối với đất nuôi trồng thủy sản (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất ở tại đô thị (Đường loại II, vị trí 2): Giá đất tính tiền bồi thường là 900.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

c) Khu vực xã Phúc Ứng

- Đối với đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 39.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 29.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất ở tại nông thôn ven trục đường giao thông chính đoạn “*Đoạn từ bãi khai thác đá thôn Khuân Thê đến đỉnh đèo Khuân Do xã Phúc Ứng (đi về phía đèo Khuân Do)*”: Giá đất tính tiền bồi thường là 500.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

d) Khu vực xã Minh Thanh

- Đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất ở tại nông thôn (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 80.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

đ) Khu vực xã Tú Thịnh

- Đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 2): Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất nuôi trồng thủy sản (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng rừng sản xuất (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất ở tại nông thôn (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 100.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

e) Khu vực xã Ninh Lai

Đối với đất trồng rừng sản xuất (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

g) Khu vực xã Phú Lương

- Đối với đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m²; Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

2. Công trình: Trụ sở xã, Trạm y tế, Sân thể thao và Khu dân cư xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

2.1- Địa điểm thu hồi đất: xã Thái Bình, huyện Yên Sơn.

2.2- Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường

- Đất ở ven trục đường Quốc lộ 37, tuyến Thái Bình - Tiến Bộ, địa phận xã Thái Bình đoạn từ “*Tiếp giáp đất ở nhà ông Mưu qua ngã ba Chanh Mới đến Cầu Vạc*”: Giá đất tính tiền bồi thường là 1.300.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đất ở tại nông thôn (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 250.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2015-2019).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình theo Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

2. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐC (Tính 22).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Thực